

Số: 2278 /KH-ĐHNLBG-ĐT

Bắc Giang, ngày 28 tháng 12 năm 2018

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY
HỌC KỲ 2 - NĂM HỌC 2018 - 2019

A - PHÂN BỐ THỜI GIAN CHO HỌC KỲ

- Tổng số tuần: 22 tuần - Bắt đầu học kỳ: 07/01/2019; - Kết thúc học kỳ: 21/6/2019.

- Nghỉ tết Nguyên đán Kỷ Hợi: 02 tuần - Từ 28/01/2019 đến 08/02/2019.

(Tức từ 23/12 đến 04/01 Âm lịch)

- Nghỉ Giỗ tổ Hùng Vương: 01 ngày - 14/4/2019.

- Nghỉ ngày Thống nhất đất nước: 01 ngày - 30/4/2019.

- Nghỉ ngày Quốc tế lao động: 01 ngày - 01/5/2019.

- Nghỉ hè: 06 tuần - Từ 24/6/2019 đến 02/8/2019.

III. Học kỳ phụ: 06 tuần - Từ 24/6/2019 đến 02/8/2019.

B - KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

I - KHOA KINH TẾ - TÀI CHÍNH

1. Lớp D-KETOAN 5A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1		Thực tập tốt nghiệp:		10		
1.1	KTO2043	Đối với sinh viên làm Khóa luận tốt nghiệp		10		15 tuần
1.2		Đối với sinh viên không làm Khóa luận tốt nghiệp:		10		
-	KTO2044	Chuyên đề tốt nghiệp		6		10 tuần
-		Học phần tự chọn:		4		
+	KTO2029	Kế toán hợp tác xã	Phạm Thị Thanh Lê	2	23	15
+	KTO2031	Kế toán thương mại dịch vụ	Nguyễn Thị Ứng	2	23	15
		Tổng cộng		10	46	30

- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 12/11/2018 đến 21/12/2018.

- Thực tập tốt nghiệp:

+ Khóa luận tốt nghiệp: 15 tuần, từ 24/12/2018 đến 19/4/2019.

+ Chuyên đề tốt nghiệp: 10 tuần, từ 24/12/2018 đến 15/3/2019.

- Đối với Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp, bảo vệ khóa luận từ 19/4/2019 đến 10/5/2019.

- Đối với Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp, học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 18/3/2019 đến 19/4/2019.

- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: từ 22/4/2019 đến 10/5/2019.

- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 13/5/2019 đến 31/5/2019.

2. Lớp D-KETOAN 6A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	KTO2013	Kế toán hành chính sự nghiệp	Nguyễn Thị Ứng	3	30	30
2	KTO2018	Kế toán thuế	Phạm Thị Phương	2	23	15
3	KTO2015	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Phạm Thị Thanh Lê	3	30	30
4	KTO2016	Kiểm toán tài chính	Hoàng Nguyệt Quyên	3	30	30
5	KTO2017	Tin học kế toán	Đinh Nho Toàn	3	30	30
6		Học phần tự chọn:				
-	KTO2029	Kế toán ngân sách xã, phường, thị trấn	Phạm Thị Dinh	2	23	15
7	KTO2046	Thực tập nghề nghiệp		5	06 tuần	
		Tổng cộng		21	166	150

- Thực tập nghề nghiệp: 06 tuần, từ 20/5/2019 đến 28/6/2019.

3. Lớp D-KETOAN 7A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	KTE2005	Pháp luật kinh tế	Nguyễn Hải Nam	2	23	15
2	KTO2004	Nguyên lý thống kê kinh tế	Nguyễn Thị Dung	3	30	30
3	KTE2002	Kinh tế vĩ mô 1	Nông Hữu Tùng	3	30	30
4	KTO2058	Quản trị doanh nghiệp	Phạm Thị Phương	3	30	30
5	KTO2008	Thống kê doanh nghiệp	Hoàng Ninh Chi	3	30	30
6	KTO2013	Kế toán hành chính sự nghiệp	Nguyễn Thị Ứng	3	30	30
7	KTO2012	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	Phạm Thị Dinh	3	30	30
		Tổng cộng		20	203	195

4. Lớp D-KETOAN 8A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	LLC2002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đoàn Thị Hoàng Yến	2	23	15
2	THN2018	Tiếng Anh 2	Đỗ Thị Huyền	4	30	60
3	LLC2004	Pháp luật đại cương	Nguyễn Thị Dung	2	23	15
4	KCB2003	Toán cao cấp	Phùng Thị Kiến An	3	30	30
5	KTE2002	Kinh tế vi mô 1	Võ Thị Khánh Linh	3	30	30
6	KTO2002	Nguyên lý kế toán	Phạm Thị Thanh Lê	3	30	30
7	KCB2023	Giáo dục thể chất 2	Tô Minh Thanh	1	0	30
8	KCB2013	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Hợp đồng	8	04 tuần	
		Tổng cộng		26	166	210

5. Lớp DVB-KETOAN 7A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	KTO2009	Thị trường chứng khoán	HD - Ngô Đức Tuấn	3	30	30
2	KTO2054	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	Nguyễn Thị Ứng	3	18	19
			Phạm Thị Thanh Lê		12	11
3	KTO2013	Kế toán hành chính sự nghiệp	Nguyễn Thị Ứng	3	30	30
4	KTO2016	Kiểm toán tài chính	Hoàng Nguyệt Quyên	3	30	30
5	KTO2017	Tin học kế toán	Đinh Nho Toàn	3	30	30
6	KTO2019	Kế toán quản trị	Trần Thị Ngọc Ánh	3	30	30
		Tổng cộng		18	180	180

6. Lớp DLT-KETOAN 7A, DLT-KETOAN 7B, DLT-KETOAN 7C

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	LLC2005	Tâm lý học đại cương	Đặng Xuân Anh	2	23	15
2	KTO2009	Thị trường chứng khoán	HD - Ngô Đức Tuấn	2	23	15
3	KTO2054	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	Nguyễn Thị Ứng	3	18	19
			Phạm Thị Thanh Lê		12	11
4	KTO2013	Kế toán hành chính sự nghiệp	Nguyễn Thị Ứng	2	23	15
5	KTO2016	Kiểm toán tài chính	Hoàng Nguyệt Quyên	3	30	30
6	KTO2017	Tin học kế toán	Đinh Nho Toàn	2	23	15
7	KTO2019	Kế toán quản trị	Trần Thị Ngọc Ánh	3	30	30
		Tổng cộng		17	182	150

7. Lớp DL-KETOAN 7A, DL-KETOAN 8A, DL-KETOAN 8B

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	LLC2005	Tâm lý học đại cương	Đặng Xuân Anh	2	23	15
2	KTO2009	Thị trường chứng khoán	HD - Ngô Đức Tuấn	2	23	15
3	KTO2054	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	Nguyễn Thị Ứng	3	18	19
			Phạm Thị Thanh Lê		12	11
4	KTO2013	Kế toán hành chính sự nghiệp	Nguyễn Thị Ứng	2	23	15
5	KTO2016	Kiểm toán tài chính	Hoàng Nguyệt Quyên	2	23	15
6	KTO2017	Tin học kế toán	Đinh Nho Toàn	2	23	15
7	KTO2019	Kế toán quản trị	Trần Thị Ngọc Ánh	2	23	15
		Tổng cộng		15	168	120

8. Lớp C-KETOAN 17A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	KTO1016	Kiểm toán tài chính	Hoàng Nguyệt Quyên	2	23	15
2	KTO1017	Tin học kế toán	Đinh Nho Toàn	2	23	15
3	KTO1029	Kế toán ngân sách xã, phường, thị trấn	Phạm Thị Dinh	2	23	15
4		Thực tập tốt nghiệp:		6		
4.1	KTO1044	Chuyên đề tốt nghiệp		2	10 tuần	
4.2		Học phần tự chọn:		4		
-	KTO1029	Kế toán hợp tác xã	Phạm Thị Thanh Lê	2	23	15
-	KTO2027	Tài chính công	Phạm Thị Phương	2	23	15
		Tổng cộng		12	69	45

- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 18/3/2019 đến 22/3/2019.
- Thực tập tốt nghiệp và làm chuyên đề: 10 tuần, từ 25/3/2019 đến 31/5/2019.
- Học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 03/6/2019 đến 05/7/2019.
- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: từ 01/7/2019 đến 26/7/2019.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 29/7/2019 đến 23/8/2019.

9. Lớp DLTV-KETOAN 7A, DLTV-KETOAN 7B

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	KTO2021	Tổ chức công tác kế toán trong DN	Mai Thị Huyền	3	30	30
2	KTO2046	Thực tập nghề nghiệp		5	06 tuần	
3		Thực tập tốt nghiệp		10		
-	KTO2044	Chuyên đề tốt nghiệp		6	10 tuần	
-		Học phần tự chọn:		4		
+	KTO2035	Kỹ năng làm việc nhóm	Phạm Thị Phương	2	23	15
+	KTO2029	Kế toán hợp tác xã	Phạm Thị Thanh Lê	2	23	15
		Tổng cộng		18	76	60

- Thực tập nghề nghiệp: 06 tuần, từ 21/01/2019 đến 15/3/2019.
- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 18/3/2019 đến 22/3/2019.
- Thực tập tốt nghiệp và làm chuyên đề: 10 tuần, từ 25/3/2019 đến 31/5/2019.
- Học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 03/6/2019 đến 28/6/2019.
- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: từ 01/7/2019 đến 26/7/2019.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 30/7/2019 đến 23/8/2019.



10. Lớp DLTV-KETOAN 7C

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	KTO2021	Tổ chức công tác kế toán trong DN	Mai Thị Huyền	3	30	30
2	KTO6013	Kế toán hành chính sự nghiệp	Nguyễn Thị Ung	2	23	15
3	KCB2003	Toán cao cấp	Mai Thị Thanh Huyền	3	30	30
4	LLC2005	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Thị Diễm	2	23	15
5	KTE2003	Kinh tế vĩ mô 1	Nông Hữu Tùng	3	30	30
6	KTO6011	Kế toán tài chính doanh nghiệp 1	Mai Thị Huyền	2	23	15
7	LLC2002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Kim Nhung	2	23	15
8	KTO2046	Thực tập nghề nghiệp		5	06 tuần	
		Tổng cộng		22	182	150

- Thực tập nghề nghiệp: 06 tuần, từ 21/01/2019 đến 15/3/2019.

11. Lớp D-KINHTE 5A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1		Thực tập tốt nghiệp:		10		
1.1	KTE2032	Đối với sinh viên làm Khóa luận tốt nghiệp		10	15 tuần	
1.2		Đối với sinh viên không làm Khóa luận tốt nghiệp:		10		
-	KTE2033	Chuyên đề tốt nghiệp		6	10 tuần	
-		Học phần tự chọn:		4		
+	KTE2023	Kinh tế đầu tư	Đinh Nho Toàn	2	23	15
+	KTE2027	Kinh tế nông hộ và trang trại	Nguyễn Hải Nam	2	23	15
		Tổng cộng		10	46	30

- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 12/11/2018 đến 21/12/2018.

- Thực tập tốt nghiệp:

+ Khóa luận tốt nghiệp: 15 tuần, từ 24/12/2018 đến 19/4/2019.

+ Chuyên đề tốt nghiệp: 10 tuần, từ 24/12/2018 đến 15/3/2019.

- Đối với Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp, bảo vệ khóa luận từ 19/4/2019 đến 10/5/2019.

- Đối với Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp, học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 18/3/2019 đến 19/4/2019.

- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: từ 22/4/2019 đến 10/5/2019.

- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 13/5/2019 đến 31/5/2019.



12. Lớp D-KINHTE 6A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	KTE2019	Kinh tế môi trường	Trần Thị Lý	2	23	15
2	KTO2042	Thống kê kinh tế xã hội	Hoàng Nguyệt Quyên	3	30	30
3	KTE2011	Kinh tế vĩ mô 2	Nông Hữu Tùng	3	30	30
4	KTE2012	Kinh tế lượng	Võ Thị Khánh Linh	3	30	30
5		Học phần tự chọn:				
-	KTE2022	Kinh tế nguồn nhân lực	Phan Thị Hà Châm	2	23	15
-	KTE2027	Kinh tế nông hộ và trang trại	Nguyễn Hải Nam	2	23	15
6	KTE2031	Thực tập nghề nghiệp		4	06 tuần	
		Tổng cộng		19	159	135

- Thực tập nghề nghiệp: 06 tuần, từ 13/5/2019 đến 28/6/2019.

13. Lớp DV-KINHTE 5A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	KTE2014	Kinh tế phát triển	Nông Hữu Tùng	3	38	15
2	KTE2017	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Mai Thị Huyền	2	23	15
3	KTE2019	Kinh tế môi trường	Trần Thị Lý	2	23	15
4		Học phần tự chọn:				
-	KTE2008	Kinh tế quốc tế	Nguyễn Hải Nam	2	23	15
5	KTE2031	Thực tập nghề nghiệp		5	06 tuần	
6		Thực tập tốt nghiệp:		10		
6.1	KTO2044	Chuyên đề tốt nghiệp		6	10 tuần	
6.2		Học phần tự chọn:		4		
-	KTO2020	Phân tích hoạt động kinh doanh	Hoàng Ninh Chi	2	23	15
-	KTE2023	Kinh tế đầu tư	Đinh Nho Toàn	2	23	15
		Tổng cộng		24	107	60

- Học: 09 tuần, từ 01/01/2019 đến 15/3/2019.

- Thực tập nghề nghiệp: 06 tuần, từ 18/3/2019 đến 26/4/2019.

- Thực tập tốt nghiệp và làm chuyên đề: 10 tuần, từ 29/4/2019 đến 05/7/2019.

- Học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 08/7/2019 đến 02/8/2019.

- Xét tốt nghiệp, bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 05/8/2019 đến 30/8/2019.



14. Lớp DV-KINHTE 6A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	KTE2014	Kinh tế phát triển	Nông Hữu Tùng	3	38	15
2	KTE2017	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Mai Thị Huyền	2	23	15
3	KTE2019	Kinh tế môi trường	Trần Thị Lý	2	23	15
4		Học phần tự chọn:				
-	KTE2008	Kinh tế quốc tế	Nguyễn Hải Nam	2	23	15
5	LLC2001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Đinh Thị Loan	5	53	45
6	LLC2004	Pháp luật đại cương	Nguyễn Thị Dung	2	23	15
7	KTE2031	Thực tập nghề nghiệp		5	06 tuần	
		Tổng cộng		21	183	120

15. Lớp DLTV-KINHTE 6B

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1		Thực tập tốt nghiệp:		6		
1.1	KTO6046	Chuyên đề tốt nghiệp		2	10 tuần	
1.2		Học phần tự chọn:		4		
-	KTE2022	Kinh tế nguồn nhân lực	Phan Thị Hà Châm	2	23	15
-	KTE2023	Kinh tế đầu tư	Đinh Nho Toàn	2	23	15
		Tổng cộng		6	46	30

- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 07/01/2019 đến 11/01/2019.
- Thực tập tốt nghiệp và làm chuyên đề: 10 tuần, từ 14/01/2019 đến 05/4/2019.
- Học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 08/4/2019 đến 17/5/2019.
- Xét tốt nghiệp: từ 20/5/2019 đến 07/6/2019.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 10/6/2019 đến 28/6/2019.

16. Lớp DLTV-KINHTE 6E

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1		Thực tập tốt nghiệp:		6		
1.1	KTO6046	Chuyên đề tốt nghiệp		2	10 tuần	
1.2		Học phần tự chọn:		4		
-	KTE2022	Kinh tế nguồn nhân lực	Phan Thị Hà Châm	2	23	15
-	KTE2023	Kinh tế đầu tư	Đinh Nho Toàn	2	23	15
		Tổng cộng		6	46	30

- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 07/01/2019 đến 11/01/2019.
- Thực tập tốt nghiệp và làm chuyên đề: 10 tuần, từ 14/01/2019 đến 05/4/2019.
- Học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 08/4/2019 đến 17/5/2019.
- Xét tốt nghiệp: từ 20/5/2019 đến 07/6/2019.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 10/6/2019 đến 28/6/2019.

17. Lớp DLTV-KINHTE 7B, DLTV-KINHTE 7C, DLTV-KINHTE 7D

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	LLC2003	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	Nguyễn Thị Kim Nhung	3	30	30
2	KCB2003	Toán cao cấp	Mai Thị Thanh Huyền	3	30	30
3	LLC2002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đoàn Thị Hoàng Yến	2	23	15
4	LLC2011	Kỹ năng giao tiếp	Trần Thị Hường	2	23	15
5	LLC2004	Xác suất - Thống kê	Nguyễn Thị Trâm	3	30	30
6	KTE2009	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Bùi Văn Huân	3	38	15
7	THN2018	Tiếng Anh 2	Ngô Thị Hoàng Anh	4	30	60
		Tổng cộng		20	204	195

18. Lớp DLTV-KINHTE 6C

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1		Thực tập tốt nghiệp:		6		
1.1	KTO6046	Chuyên đề tốt nghiệp		2	10 tuần	
1.2		Học phần tự chọn:		4		
-	KTE2023	Kinh tế đầu tư	Đinh Nho Toàn	2	23	15
-	KTE2024	Kinh tế đất	Trần Thị Lý	2	23	15
		Tổng cộng		6	46	30

- Thực tập tốt nghiệp và làm chuyên đề: 10 tuần, từ 01/10/2018 đến 10/12/2018.
- Học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 17/12/2019 đến 25/01/2019.
- Xét tốt nghiệp: từ 28/01/2019 đến 28/02/2019.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: Tháng 3/2019.

19. Lớp DLTV-KINHTE 6G

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1		Thực tập tốt nghiệp:		6		
1.1	KTO6046	Chuyên đề tốt nghiệp		2	10 tuần	
1.2		Học phần tự chọn:		4		
-	KTE2023	Kinh tế đầu tư	Đinh Nho Toàn	2	23	15
-	KTE2024	Kinh tế đất	Trần Thị Lý	2	23	15
		Tổng cộng		6	0	0

- Thực tập tốt nghiệp và làm chuyên đề: 10 tuần, từ 01/10/2018 đến 10/12/2018.
- Học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 17/12/2019 đến 25/01/2019.
- Xét tốt nghiệp: từ 28/01/2019 đến 28/02/2019.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: Tháng 3/2019.

20. Lớp DLTV-KINHTE 6D

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	KTE2017	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Mai Thị Huyền	2	23	15
2	KTE2019	Kinh tế môi trường	Trần Thị Lý	2	23	15
3		Học phần tự chọn:				
-	KTE2008	Kinh tế quốc tế	Nguyễn Hải Nam	2	23	15
4		Thực tập tốt nghiệp:		6		
4.1	KTO6046	Chuyên đề tốt nghiệp		2	10 tuần	
4.2		Học phần tự chọn:		4		
-	KTE2022	Kinh tế nguồn nhân lực	Phan Thị Hà Châm	2	23	15
-	KTE2024	Kinh tế đất	Trần Thị Lý	2	23	15
		Tổng cộng		10	92	60

- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 25/3/2019 đến 29/3/2019.
- Thực tập tốt nghiệp: 10 tuần, từ 01/4/2019 đến 07/6/2019.
- Học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 10/6/2019 đến 05/7/2019.
- Xét tốt nghiệp: từ 08/7/2019 đến 26/7/2019.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 29/7/2019 đến 16/8/2019.

21. Lớp DLTV-KINHTE 7A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	KTE2017	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Mai Thị Huyền	2	23	15
2	KTE2019	Kinh tế môi trường	Trần Thị Lý	2	23	15
3		Học phần tự chọn:				
-	KTE2008	Kinh tế quốc tế	Nguyễn Hải Nam	2	23	15
4	KTE2009	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Phạm Thanh Hà	3	38	15
5	KCB2003	Toán cao cấp	Phùng Thị Kiến An	3	30	30
6	LLC2002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đoàn Thị Hoàng Yến	2	23	15
7	KCB2004	Xác suất - Thống kê	Diêm Đăng Huân	3	30	30
8	KTO2001	Quản trị học	Nguyễn Thị Dung	2	23	15
		Tổng cộng		19	213	150

II. KHOA NÔNG HỌC

1. Lớp D-KHCT 5A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Trong đó	
				LT	BT/TL/TH
1		Thực tập tốt nghiệp:	10		
1.1	KHC2037	Đối với sinh viên làm Khóa luận tốt nghiệp	10		15 tuần
1.2		Đối với sinh viên không làm Khóa luận tốt nghiệp:	10		
-	KHC2038	Chuyên đề tốt nghiệp	6		10 tuần
-		Học phần tự chọn:	4		
+	BVT2022	Kiểm dịch thực vật và dịch hại nông sản sau thu hoạch	2	23	15
+	KHC2023	Sản xuất giống và công nghệ hạt giống	2	23	15
		Tổng cộng	10	46	30

- Thực tập tốt nghiệp:
- + Khóa luận tốt nghiệp: 26 tuần, từ 29/10/2018 đến 11/5/2019.
- + Chuyên đề tốt nghiệp: 26 tuần, từ 29/10/2018 đến 11/5/2019.
- Đối với Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp, bảo vệ khóa luận từ 13/5/2019 đến 14/6/2019.
- Đối với Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp, học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 13/5/2019 đến 14/6/2019.
- Tổng kết điểm và xét tốt nghiệp: từ 17/6/2019 đến 28/6/2019.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 01/7/2019 đến 26/7/2019.

2. Lớp D-KHCT 6A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	CNS2005	Công nghệ sinh học đại cương	Trần Thị Hiền	2	23	15
2	KHC2007	Phòng trừ dịch hại	HD - Phạm Thị Hậu	2	23	15
3	KHC2015	Cây lương thực 2	Dương Văn Quân	2	23	15
4	KHC2016	Cây công nghiệp 2	Nguyễn Thị Ngọc	2	23	15
5	KHC2017	Cây ăn quả 2	Bùi Thị Thu Trang	2	23	15
6	KHC2020	Canh tác học	Bùi Thị Thu Trang	2	23	15
7	KCB2006	Lý sinh	Nguyễn Thị Mỹ Diên	2	23	15
8	KHC2026	Khuyến nông	Đỗ Thành Trung	2	23	15
9		Học phần tự chọn:				
-	KTO2037	Thống kê nông nghiệp	Nguyễn Văn Vượng	2	23	15
-	KCB2015	Máy nông nghiệp	Tổng Hải Yến	2	23	15
		Tổng cộng		20	230	150

Hu

3. Lớp D-KHCT 7A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	KHC2010	Phân bón	Hoàng Thị Mai	2	23	15
2	BVT2023	Côn trùng, bệnh cây đại cương	Nguyễn Thị Thủy Liên	4	45	30
3	KHC2043	Phương pháp thí nghiệm & Thống kê sinh học	Nguyễn Thị Ngọc	5	45	60
4	KHC2042	Canh tác học và điều tiết nước cho cây trồng	Bùi Thị Thu Trang	4	45	30
5	CNS2033	Ứng dụng Công nghệ sinh học trong trồng trọt	Chu Thùy Dương	5	53	45
Tổng cộng				20	211	180

4. Lớp D-KHCT 8A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	LLC2002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đoàn Thị Hoàng Yến	2	23	15
2	THN2018	Tiếng Anh 2	Nguyễn Thị Thúy Hằng	4	30	60
3	LLC2004	Pháp luật đại cương	Nguyễn Thị Dung	2	23	15
4	TNM2033	Sinh thái môi trường	Nguyễn Tuấn Điệp	2	23	15
5	KCB2008	Hóa hữu cơ	Nguyễn Thị Hoài Trang	2	23	15
6	KCB2009	Hóa phân tích	Chu Thị Nhân	2	23	15
7	KCB2014	Thực vật học	Bùi Thị Thanh Hà	2	23	15
8	KCB2023	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Văn Tuấn	1	0	30
9	KCB2013	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Hợp đồng	8	04 tuần	
Tổng cộng				25	168	180

5. Lớp DLT-KHCT 7A, DLT-KHCT 7B

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	BVT2024	Quản lý dịch hại	HD - Lê Quý Tường	5	53	45
2	KHC2027	Đất và phân bón	Nguyễn Văn Vượng	2	23	15
3	CNS2032	Di truyền và chọn tạo giống cây trồng	HD - Lê Duy Thành	5	53	45
4	BVT2023	Côn trùng, bệnh cây đại cương	Đỗ Đà Giang	4	45	30
5	KHC2043	Phương pháp thí nghiệm & Thống kê sinh học	Nguyễn Thị Ngọc	5	45	60
Tổng cộng				21	219	195

Handwritten signature

6. Lớp D-CNSH 5A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Trong đó	
				LT	BT/TL/TH
		Thực tập tốt nghiệp:	10		
1	CNS2030	Đối với sinh viên làm Khóa luận tốt nghiệp	10	15 tuần	
2		Đối với sinh viên không làm Khóa luận tốt nghiệp:	10		
-	CNS2031	Chuyên đề tốt nghiệp	6	10 tuần	
-		Học phần tự chọn:	4		
+	CNS2021	Chẩn đoán bệnh gia súc gia cầm bằng sinh học phân tử	2	23	15
+	CNS2019	Công nghệ sinh học Thú y	2	23	15
		Tổng cộng	10	46	30

- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 03/12/2018 đến 07/12/2018.
- Thực tập tốt nghiệp:
- + Khóa luận tốt nghiệp: 15 tuần, từ 10/12/2018 đến 05/4/2019.
- + Chuyên đề tốt nghiệp: 10 tuần, từ 10/12/2018 đến 01/3/2019.
- Đối với Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp, bảo vệ khóa luận từ 08/4/2019 đến 03/5/2019.
- Đối với Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp, học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 04/3/2019 đến 05/4/2019.
- Tổng kết điểm và xét tốt nghiệp: từ 06/5/2019 đến 31/5/2019.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 03/6/2019 đến 28/6/2019.

7. Lớp D-BVTV 5A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Trong đó	
				LT	BT/TL/TH
		Thực tập tốt nghiệp:	10		
1	BVT2015	Đối với sinh viên làm Khóa luận tốt nghiệp	10	15 tuần	
2		Đối với sinh viên không làm Khóa luận tốt nghiệp:	10		
-	BVT2016	Chuyên đề tốt nghiệp	6	10 tuần	
-		Học phần tự chọn:	4		
+	KHC2018	Hoa, cây cảnh và thiết kế cảnh quan	2	23	15
+	KHC2026	Khuyến nông	2	23	15
		Tổng cộng	10	46	30

- Thực tập tốt nghiệp:
- + Khóa luận tốt nghiệp: 26 tuần, từ 29/10/2018 đến 11/5/2019.
- + Chuyên đề tốt nghiệp: 26 tuần, từ 29/10/2018 đến 11/5/2019.
- Đối với Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp, bảo vệ khóa luận từ 13/5/2019 đến 14/6/2019.
- Đối với Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp, học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 13/5/2019 đến 14/6/2019.
- Tổng kết điểm và xét tốt nghiệp: từ 17/6/2019 đến 28/6/2019.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 01/7/2019 đến 26/7/2019.

8. Lớp D-BVTV 6A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	KHC2019	Cây rau	Hoàng Thị Mai	2	23	15
2	BVT2012	Động vật hại nông nghiệp	Thân Thị Hoa	2	23	15
3	BVT2004	Bệnh cây chuyên khoa	HD - Lại Tiến Dũng	3	30	30
4	CNS2028	Công nghệ sinh học trong bảo vệ thực vật	Nguyễn Thị Thúy Liên	2	23	15
5	BVT2013	Pháp lệnh chuyên ngành	Nguyễn Bình Nhựt	2	23	15
6	BVT2011	Quản lý dư lượng thuốc bảo vệ thực vật	HD - Phùng Duy Hiếu	2	23	15
7	BVT2006	Phòng trừ sinh học dịch hại cây trồng	Trần Thị Hiền	3	30	30
8	BVT2009	Dự tính dự báo sâu bệnh hại cây trồng	Nguyễn Bình Nhựt	3	30	30
9		Học phần tự chọn:				
-	KHC2034	Tin học chuyên ngành nông học	Nguyễn Thị Ngọc	2	23	15
		Tổng cộng		21	228	180

9. Lớp DLV-BVTV 7A, DLV-BVTV 7B

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	BVT7026	Thực tập nghề nghiệp		7	10 tuần	
2		Thực tập tốt nghiệp		6		
-	BVT7016	Chuyên đề tốt nghiệp		2	10 tuần	
-		Học phần tự chọn:		4		
+	KHC2018	Hoa cây cảnh	Nguyễn Văn Vượng	2	23	15
+	KHC2025	Hệ thống nông nghiệp	Nguyễn Văn Vượng	2	23	15
		Tổng cộng		13	46	30

- Thực tập nghề nghiệp: 10 tuần, từ 07/01/2019 đến 29/3/2019.
- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 01/4/2019 đến 05/4/2019.
- Thực tập tốt nghiệp: 10 tuần, từ 08/4/2019 đến 14/6/2019.
- Học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 17/6/2019 đến 26/7/2019.
- Xét tốt nghiệp: Tháng 8/2019.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: Tháng 9/2019.

III. KHOA CHĂN NUÔI - THÚ Y

1. Lớp D-CHANNUOI 5A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Trong đó		
				LT	BT/TL/TH	
		Thực tập tốt nghiệp:	10			
1	CNU2037	Đối với sinh viên làm Khóa luận tốt nghiệp	10	15 tuần		
2		Đối với sinh viên không làm Khóa luận tốt nghiệp:	10			
-	CNU2038	Chuyên đề tốt nghiệp	6	10 tuần		
-		Học phần tự chọn:	4			
+	CNU2022	Chăn nuôi ong	Đỗ Thị Thu Hương	2	23	15
+	CNU2015	Cây thức ăn chăn nuôi	HD - Chu Mạnh Thắng	2	23	15
		Tổng cộng	10	46	30	

- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 02 tuần, từ 03/12/2018 đến 14/12/2018.
- Thực tập tốt nghiệp:
- + Khóa luận tốt nghiệp: 15 tuần, từ 17/12/2018 đến 12/4/2019.
- + Chuyên đề tốt nghiệp: 10 tuần, từ 17/12/2018 đến 08/3/2019.
- Đối với Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp, bảo vệ khóa luận từ 13/4/2019 đến 17/5/2019.
- Đối với Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp, học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 11/3/2019 đến 12/4/2019.
- Tổng kết điểm và xét tốt nghiệp: từ 20/5/2019 đến 31/5/2019.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 03/6/2019 đến 28/6/2019.

2. Lớp D-CNTY 6A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	CNU2030	Phương pháp khuyến nông chăn nuôi	Nguyễn Thị Hạnh	2	23	15
2	THY2011	Dịch tễ học thú y	Trần Đức Hoàn	2	23	15
3	THY2038	Ký sinh trùng thú y	Nguyễn Thị Hương Giang	2	23	15
4	KTO2006	Marketing căn bản	Phạm Thị Phương	2	23	15
5	CNU2010	Chăn nuôi gia cầm	Đoàn Phương Thủy	3	30	30
6	THY2019	Vệ sinh an toàn thực phẩm nguồn gốc động vật	Hồ Thu Hiền	2	23	15
7		Học phần tự chọn:				
-	CNU2014	Công nghệ sản xuất thức ăn công nghiệp	Dương Thị Vi	2	23	15
-	CNU2042	Chăn nuôi dê và thỏ	Nguyễn Đình Nguyên	2	23	15
-	THY2040	Kiểm nghiệm thú sản	Nguyễn Thị Hương	2	23	15
8	CNU2047	Rèn nghề cơ sở sản xuất: công trình chăn nuôi	Nguyễn Thị Hạnh	1	0	45
		Tổng cộng		20	214	195

Hu

3. Lớp D-CNTY 7A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	THY2045	Miễn dịch học thú y	Trần Đức Hoàn	3	30	30
2	CNU2027	Giải phẫu vật nuôi 1	Đặng Hồng Quyên	3	30	30
3	CNU2003	Sinh lý động vật	Nguyễn Thị Chinh	4	45	30
4	THY2036	Chẩn đoán - Bệnh nội khoa thú y	Nguyễn Thị Thanh Hải	3	30	30
5	CNU2029	Tổ chức và phôi thai động vật	Nguyễn Thị Thu Huyền	3	30	30
6	CNU2013	Phương pháp thí nghiệm chăn nuôi	Đỗ Thị Thu Hương	2	23	15
7		Học phần tự chọn:				
-	CNU2014	Vì sinh vật ứng dụng trong chăn nuôi	Nguyễn Thị Thúy Liên	2	23	15
		Tổng cộng		20	211	180

4. Lớp D-THUY 4A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Trong đó	
				LT	BT/TL/TH
		Thực tập tốt nghiệp:	10		
1	THY2033	Đối với sinh viên làm Khóa luận tốt nghiệp	10	18 tuần	
2		Đối với sinh viên không làm Khóa luận tốt nghiệp:	10		
-	THY2034	Chuyên đề tốt nghiệp	6	16 tuần	
-		Học phần tự chọn:	4		
+	CNU2007	Thức ăn chăn nuôi	2	23	15
+	CNU2022	Chăn nuôi ong	2	23	15
		Tổng cộng	10	46	30

- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 02 tuần, từ 05/11/2018 đến 16/11/2018.
- Thực tập tốt nghiệp:
 - + Khóa luận tốt nghiệp: 18 tuần, từ 19/11/2018 đến 29/3/2019.
 - + Chuyên đề tốt nghiệp: 16 tuần, từ 12/11/2018 đến 08/3/2019.
- Đối với Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp, bảo vệ khóa luận từ 01/4/2019 đến 26/4/2019.
- Đối với Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp, học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 11/3/2019 đến 12/4/2019.
- Tổng kết điểm và xét tốt nghiệp: từ 29/4/2019 đến 24/5/2019.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 27/5/2019 đến 28/6/2019.

5. Lớp D-THUY 4B

STT	Mã học phần	Tên học phần		Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
		Thực tập tốt nghiệp:		10		
1	THY2033	Đối với sinh viên làm Khóa luận tốt nghiệp		10	18 tuần	
2		Đối với sinh viên không làm Khóa luận tốt nghiệp:		10		
-	THY2034	Chuyên đề tốt nghiệp		6	16 tuần	
-		Học phần tự chọn:		4		
+	CNU2007	Thức ăn chăn nuôi	Nguyễn Thị Hạnh	2	23	15
+	CNU2022	Chăn nuôi ong	Đỗ Thị Thu Hương	2	23	15
		Tổng cộng		10	46	30

- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 02 tuần, từ 05/11/2018 đến 16/11/2018.
- Thực tập tốt nghiệp:
 - + Khóa luận tốt nghiệp: 18 tuần, từ 19/11/2018 đến 29/3/2019.
 - + Chuyên đề tốt nghiệp: 16 tuần, từ 12/11/2018 đến 08/3/2019.
- Đối với Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp, bảo vệ khóa luận từ 01/4/2019 đến 26/4/2019.
- Đối với Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp, học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 11/3/2019 đến 12/4/2019.
- Tổng kết điểm và xét tốt nghiệp: từ 29/4/2019 đến 24/5/2019.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 27/5/2019 đến 28/6/2019.

6. Lớp D-THUY 4C

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Trong đó	
				LT	BT/TL/TH
		Thực tập tốt nghiệp:	10		
1	THY2033	Đối với sinh viên làm Khóa luận tốt nghiệp	10	18 tuần	
2		Đối với sinh viên không làm Khóa luận tốt nghiệp:	10		
-	THY2034	Chuyên đề tốt nghiệp	6	16 tuần	
-		Học phần tự chọn:	4		
+	CNU2007	Thức ăn chăn nuôi	2	23	15
+	CNU2022	Chăn nuôi ong	2	23	15
		Tổng cộng	10	46	30

- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 02 tuần, từ 05/11/2018 đến 16/11/2018.
- Thực tập tốt nghiệp:
 - + Khóa luận tốt nghiệp: 18 tuần, từ 19/11/2018 đến 29/3/2019.
 - + Chuyên đề tốt nghiệp: 16 tuần, từ 12/11/2018 đến 08/3/2019.
- Đối với Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp, bảo vệ khóa luận từ 01/4/2019 đến 26/4/2019.
- Đối với Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp, học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 11/3/2019 đến 12/4/2019.
- Tổng kết điểm và xét tốt nghiệp: từ 29/4/2019 đến 24/5/2019.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 27/5/2019 đến 28/6/2019.

7. Lớp D-THUY 5A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	THY2014	Bệnh ngoại khoa thú y	Nguyễn Việt Dũng	3	30	30
2	THY2013	Luật thú y	Nguyễn Thị Hương	2	23	15
3	THY2015	Sinh sản gia súc	Ngô Thành Vinh	3	30	30
4		Học phần tự chọn:				
-	CNU2010	Chăn nuôi gia cầm	Đoàn Phương Thúy	3	30	30
-	CNU2008	Chăn nuôi lợn	Nguyễn Thị Huệ	3	30	30
5	THY2032	Thực tập nghề nghiệp 2		2	08 tuần	
		Tổng cộng		16	143	135

- Thực tập nghề nghiệp 2: 08 tuần, từ 06/5/2019 đến 28/6/2019.

Handwritten signature

8. Lớp D-THUY 5B

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	THY2014	Bệnh ngoại khoa thú y	Nguyễn Việt Dũng	3	30	30
2	THY2013	Luật thú y	Nguyễn Thị Hương	2	23	15
3	THY2015	Sinh sản gia súc	Ngô Thành Vinh	3	30	30
4		Học phần tự chọn:				
-	CNU2010	Chăn nuôi gia cầm	HD - Nguyễn Thanh Sơn	3	30	30
-	CNU2008	Chăn nuôi lợn	Đoàn Văn Soạn	3	30	30
5	THY2032	Thực tập nghề nghiệp 2		2	08 tuần	
		Tổng cộng		16	143	135

- Thực tập nghề nghiệp 2: 08 tuần, từ 06/5/2019 đến 28/6/2019.

9. Lớp D-THUY 6A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	THY2010	Bệnh nội khoa thú y	Nguyễn Thị Thanh Hải	3	30	30
2	THY2013	Luật thú y	Nguyễn Thị Hương	2	23	15
3	THY2015	Truyền nhiễm thú y	Nguyễn Trọng Kim	3	30	30
4	THY2018	Vệ sinh thú y	Nguyễn Thị Chính	2	23	15
5	THY2008	Dược liệu thú y	Vũ Thị Hoài Thu	2	23	15
6	CNS2005	Công nghệ sinh học đại cương	Trần Thị Hiền	2	23	15
7	THY2014	Bệnh ngoại khoa thú y	HD - Nguyễn Đức Dương	3	30	30
8	THY2011	Dịch tễ học thú y	Trần Đức Hoàn	2	23	15
		Tổng cộng		19	205	165

10. Lớp D-THUY 6B

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	THY2008	Dược liệu thú y	Vũ Thị Hoài Thu	2	23	15
2	CNS2005	Công nghệ sinh học đại cương	Trần Thị Hiền	2	23	15
3	THY2010	Bệnh nội khoa thú y	Nguyễn Thị Thanh Hải	3	30	30
4	THY2014	Bệnh ngoại khoa thú y	HD - Nguyễn Đức Dương	3	30	30
5	THY2013	Luật thú y	Nguyễn Thị Hương	2	23	15
6	THY2015	Truyền nhiễm thú y	Nguyễn Trọng Kim	3	30	30
7	THY2018	Vệ sinh thú y	Trần Thị Tâm	2	23	15
8	THY2011	Dịch tễ học thú y	Trần Đức Hoàn	2	23	15
		Tổng cộng		19	205	165

11. Lớp D-THUY 6C

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	THY2008	Dược liệu thú y	Vũ Thị Hoài Thu	2	23	15
2	CNS2005	Công nghệ sinh học đại cương	Trần Thị Hiền	2	23	15
3	THY2010	Bệnh nội khoa thú y	Nguyễn Thị Thanh Hải	3	30	30
4	THY2014	Bệnh ngoại khoa thú y	HD - Nguyễn Đức Dương	3	30	30
5	THY2013	Luật thú y	Nguyễn Thị Hương	2	23	15
6	THY2015	Truyền nhiễm thú y	Nguyễn Trọng Kim	3	30	30
7	THY2018	Vệ sinh thú y	Trần Thị Tâm	2	23	15
8	THY2011	Dịch tễ học thú y	Trần Đức Hoàn	2	23	15
		Tổng cộng		19	205	165

12. Lớp D-THUY 7A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	CNU2057	Giải phẫu vật nuôi	Đặng Hồng Quyên	5	53	45
2	CNU2003	Sinh lý động vật	Nguyễn Thị Huế	4	45	30
3	CNU2006	Chọn và nhân giống vật nuôi	Dương Thị Vi	3	30	30
4	CNU2029	Tổ chức và phôi thai động vật	Nguyễn Thị Thu Huyền	3	30	30
5	THY2044	Dược lý thú y	HD - Nguyễn Đức Dương	4	45	30
6	THY2013	Luật thú y	Nguyễn Thị Hương	2	23	15
		Tổng cộng		21	226	180

13. Lớp D-THUY 8A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	LLC2002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đoàn Thị Hoàng Yến	2	23	15
2	THN2018	Tiếng Anh 2	Nguyễn Thị Thúy Hằng	4	30	60
3	LLC2004	Pháp luật đại cương	Nguyễn Thị Dung	2	23	15
4	TNM2033	Sinh thái môi trường	Nguyễn Tuấn Điệp	2	23	15
5	KCB2008	Hóa hữu cơ	Nguyễn Thị Hoài Trang	2	23	15
6	KCB2009	Hóa phân tích	Chu Thị Nhân	2	23	15
7	KCB2011	Động vật học	Hoàng Thị Thúy	2	23	15
8	KCB2023	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Văn Tuấn	1	0	30
9	KCB2013	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Hợp đồng	8	04 tuần	
		Tổng cộng		25	168	180

14. Lớp DL-THUY 8B, DL-THUY 8D, DLT-THUY 8A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	THN2018	Tiếng Anh 2	Đỗ Thị Huyền	4	30	60
2	CNS2024	Sinh học phân tử	Hoàng Thị Thao	2	23	15
3	THY2028	Phương pháp tiếp cận khoa học trong chăn nuôi thú y	HD - Nguyễn Quang Tin	2	23	15
4	KCB2011	Động vật học	Bùi Thị Thanh Hà	2	23	15
5	CNU6057	Giải phẫu động vật	Đặng Hồng Quyên	2	23	15
6	CNU2032	Sinh lý động vật	HD - Nguyễn Thị Thu Hà	2	23	15
7	CNU6006	Chọn và nhân giống vật nuôi	Đỗ Thị Thu Hường	2	23	15
8	CNU6009	Chăn nuôi trâu bò	HD - Nguyễn Thị Quỳnh Vân	2	23	15
9		Học phần tự chọn:				
-	CNU2007	Thực ăn chăn nuôi	Ngô Thành Vinh	2	23	15
		Tổng cộng		20	214	180

15. Lớp DL-THUY 7A, DL-THUY 8A, DL-THUY 8C

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	THY2028	Phương pháp tiếp cận khoa học trong chăn nuôi thú y	Mai Văn Sánh	2	23	15
2	CNS2024	Sinh học phân tử	Thân Thị Hoa	2	23	15
3	CNU6028	Giải phẫu động vật	Nguyễn Đình Nguyên	2	23	15
4	CNU2032	Sinh lý động vật	Nguyễn Thị Huế	2	23	15
5	CNU2029	Tổ chức và phối thai động vật	Nguyễn Thị Thu Huyền	3	30	30
6	CNU6006	Chọn và nhân giống vật nuôi	Dương Thị Vi	2	23	15
7	CNU6009	Chăn nuôi trâu bò	Nguyễn Văn Lưu	2	23	15
8	THY2019	Vệ sinh an toàn thực phẩm nguồn gốc động vật	Hồ Thu Hiền	2	23	15
9		Học phần tự chọn:				
-	THY2025	Bệnh thủy sản	Lê Đình Hải	2	23	15
		Tổng cộng		19	214	150

16. Lớp DLT-THUY 7A, DLT-THUY 7E

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	THY2028	Phương pháp tiếp cận khoa học trong chăn nuôi thú y	Mai Văn Sánh	2	23	15
2	CNS2024	Sinh học phân tử	Hoàng Thị Thao	2	23	15
3	CNU7057	Giải phẫu động vật	Nguyễn Đình Nguyên	2	23	15
4	CNU2032	Sinh lý động vật	Nguyễn Thị Huế	2	23	15
5	CNU2029	Tổ chức và phôi thai động vật	Nguyễn Thị Thu Huyền	3	30	30
6	CNU6006	Chọn và nhân giống vật nuôi	Dương Thị Vi	2	23	15
7	CNU6009	Chăn nuôi trâu bò	Nguyễn Văn Lưu	2	23	15
8	THY2019	Vệ sinh an toàn thực phẩm nguồn gốc động vật	Hồ Thu Hiền	2	23	15
9		<i>Học phần tự chọn:</i>				
-	THY2025	Bệnh thủy sản	Lê Đình Hải	2	23	15
		Tổng cộng		19	214	150

17. Lớp DLT-THUY 7B, DLT-THUY 7C, DLT-THUY 7D

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	THY2045	Miễn dịch học thú y	Trần Đức Hoàn	3	30	30
2	THY2047	Bệnh lý học thú y	Nguyễn Việt Dũng	4	45	30
3	CNU2029	Tổ chức và phôi thai động vật	Nguyễn Thị Chinh	3	30	30
5	THY2048	Độc chất và dược liệu thú y	Vũ Thị Hoài Thu	4	45	30
6	CNU2002	Hóa sinh động vật	Đoàn Văn Soạn	3	30	30
7		<i>Học phần tự chọn:</i>				
-	THY2025	Bệnh thủy sản	Lê Đình Hải	2	23	15
		Tổng cộng		19	203	165



18. Lớp DLTV-THUY 7A

18.1. Đối với sinh viên liên thông trung cấp - đại học

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	LLC2002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Phạm Thị Hằng	2	23	15
2	THY2003	Vì sinh vật thú y	HD - Nguyễn Bá Hiên	2	23	15
3	THY2002	Miễn dịch học thú y	Trần Đức Hoàn	2	23	15
4	THY2018	Vệ sinh thú y	Nguyễn Thị Chinh	2	23	15
5	THY2005	Bệnh lý học thú y 1	Nguyễn Việt Dũng	2	23	15
6	THY7014	Bệnh ngoại khoa thú y	Nguyễn Việt Dũng	2	23	15
7	THY2039	Bệnh truyền lây giữa động vật và người	Trần Đức Hoàn	3	30	30
8		Thực tập tốt nghiệp:		10		
-	THY7034	Chuyên đề tốt nghiệp		6	10 tuần	
-		Học phần tự chọn:		4		
+	CNU6009	Chăn nuôi trâu bò	Nguyễn Văn Lưu	2	23	15
+	THY2025	Bệnh thủy sản	Lê Đình Hải	2	23	15
		Tổng cộng		25	122	90

- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 20/5/2019 đến 24/5/2019.
- Thực tập tốt nghiệp và làm chuyên đề: 10 tuần, từ 27/5/2019 đến 02/8/2019.
- Học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 05/8/2019 đến 30/8/2019.
- Xét tốt nghiệp: từ 02/9/2019 đến 27/9/2019.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 30/9/2019 đến 25/10/2019.

18.2. Đối với sinh viên liên thông cao đẳng - đại học

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	CNS2024	Sinh học phân tử	Hoàng Thị Thao	2	23	15
2	CNS2005	Công nghệ sinh học đại cương	Hoàng Thị Thao	2	23	15
3	LLC2005	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Thị Diễm	2	23	15
4	THN2008	Tiếng Anh chuyên ngành CNTY	Ngô Thị Hoàng Anh	2	23	15
5		Thực tập tốt nghiệp:		10		
-	THY7034	Chuyên đề tốt nghiệp		6	10 tuần	
-		Học phần tự chọn:		4		
+	CNU6009	Chăn nuôi trâu bò	Nguyễn Văn Lưu	2	23	15
+	THY2025	Bệnh thủy sản	Lê Đình Hải	2	23	15
		Tổng cộng		18	92	60

- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 20/5/2019 đến 24/5/2019.
- Thực tập tốt nghiệp và làm chuyên đề: 10 tuần, từ 27/5/2019 đến 02/8/2019.
- Học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 05/8/2019 đến 30/8/2019.
- Xét tốt nghiệp: từ 02/9/2019 đến 27/9/2019.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 30/9/2019 đến 25/10/2019.

19. Lớp DLTV-THUY 7B

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	THY7012	Bệnh truyền nhiễm thú y	Nguyễn Trọng Kim	2	23	15
2	THY2038	Kỹ sinh trùng thú y	Nguyễn Thị Hương Giang	2	23	15
3	THY7014	Bệnh ngoại khoa thú y	Nguyễn Việt Dũng	2	23	15
4	THY2011	Dịch tễ học thú y	Trần Đức Hoàn	2	23	15
5	THY2039	Bệnh truyền lây giữa động vật và người	Nguyễn Trọng Kim	2	23	15
6	THY2040	Kiểm nghiệm thú sản	Ngô Thành Vinh	2	23	15
7	THY2019	Vệ sinh an toàn thực phẩm nguồn gốc động vật	Hồ Thu Hiền	2	23	15
8		Học phần tự chọn:				
-	CNU2013	Phương pháp thí nghiệm chăn nuôi	Đỗ Thị Thu Hương	2	23	15
		Tổng cộng		16	184	120

20. Lớp DLTV-THUY 7C, DLTV-THUY 7D

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	LLC2002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Phạm Thị Hằng	2	23	15
2	THY2045	Miễn dịch học thú y	Trần Đức Hoàn	3	30	30
3	THY2047	Bệnh lý học thú y	Nguyễn Việt Dũng	4	45	30
4	THY2003	Vì sinh vật thú y	HD - Nguyễn Bá Hiền	4	45	30
5	CNU2029	Tổ chức và phối thai động vật	Nguyễn Thị Chinh	3	30	30
6	THY2018	Vệ sinh thú y	Nguyễn Thị Chinh	2	23	15
7	CNU6009	Chăn nuôi trâu bò	Nguyễn Văn Lưu	2	23	15
8		Học phần tự chọn:				
-	CNU2039	Tập tính và phúc lợi động vật	Nguyễn Văn Lưu	2	23	15
		Tổng cộng		22	242	180

21. Lớp C-THUY 17A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
		Thực tập tốt nghiệp:		6		
1	THY1033	Đối với sinh viên làm Khóa luận tốt nghiệp		6	15 tuần	
2		Đối với sinh viên không làm Khóa luận tốt nghiệp:		2		
-	THY1034	Chuyên đề tốt nghiệp		2	10 tuần	
-		Học phần tự chọn:		4		
+	CNU1010	Chăn nuôi gia cầm	Nguyễn Văn Lưu	2	23	15
+	CNU1009	Chăn nuôi trâu bò	Mai Văn Sánh	2	23	15
		Tổng cộng		6		

- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 21/01/2019 đến 25/01/2019.
- Thực tập tốt nghiệp:
- + Khóa luận tốt nghiệp: 15 tuần, từ 10/02/2019 đến 24/5/2019.
- + Chuyên đề tốt nghiệp: 10 tuần, từ 10/02/2019 đến 19/4/2019.
- Đối với Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp, bảo vệ khóa luận từ 27/5/2019 đến 21/6/2019.
- Đối với Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp, học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 22/4/2019 đến 24/5/2019.
- Xét tốt nghiệp: từ 24/6/2019 đến 12/7/2019.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 15/7/2019 đến 09/8/2019.

22. Lớp C-THUY 18A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	THY1010	Bệnh nội khoa thú y	Nguyễn Thị Thanh Hải	3	30	30
2	THY1013	Luật thú y	Nguyễn Thị Hương	2	23	15
3	THY1012	Bệnh truyền nhiễm thú y	Nguyễn Trọng Kim	3	30	30
4	THY1018	Vệ sinh thú y	Nguyễn Thị Chính	2	23	15
5	THY1004	Tiếng la tinh	Hồ Thu Hiền	2	23	15
6	THY1009	Chẩn đoán bệnh thú y	Trần Thị Tâm	3	30	30
7	CNU1004	Di truyền động vật	Đoàn Phương Thúy	3	30	30
8	THY1005	Bệnh lý học thú y 1	Nguyễn Việt Dũng	2	23	15
		Tổng cộng		20	212	180

23. Lớp C-THUY 19A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	LLC1002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đoàn Thị Hoàng Yến	3	30	30
2	THN1002	Tiếng Anh 2	Nguyễn Thị Thúy Hằng	2	15	30
3	LLC1004	Pháp luật đại cương	Nguyễn Thị Dung	2	23	15
4	TNM1033	Sinh thái môi trường	Nguyễn Tuấn Điệp	2	23	15
5	CNU1040	Sinh lý động vật	Nguyễn Thị Chính	3	30	30
6	KCB1023	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Văn Tuấn	1	0	30
7	KCB1013	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Hợp đồng	8	04 tuần	
		Tổng cộng		21	121	150

Handwritten signature

IV. KHOA TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

1. Lớp D-QLĐĐ 5A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Trong đó	
				LT	BT/TL/TH
		Thực tập tốt nghiệp:	10		
1	QLD2035	Đối với sinh viên làm Khóa luận tốt nghiệp	10	15 tuần	
2		Đối với sinh viên không làm Khóa luận tốt nghiệp:	10		
-	QLD2034	Chuyên đề tốt nghiệp	6	10 tuần	
-		Học phần tự chọn:	4		
+	QLD2027	Hệ thống định vị toàn cầu	2	15	30
+	QLD2001	Kinh tế đất	2	23	15
		Tổng cộng	10	38	45

- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 03/12/2018 đến 07/12/2018.
- Thực tập tốt nghiệp:
- + Khóa luận tốt nghiệp: 15 tuần, từ 10/12/2018 đến 29/3/2019.
- + Chuyên đề tốt nghiệp: 15 tuần, từ 10/12/2018 đến 29/3/2019.
- Đối với Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp, bảo vệ khóa luận: từ 01/4/2019 đến 03/5/2019.
- Đối với Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp, học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 01/4/2019 đến 03/5/2019.
- Xét tốt nghiệp: từ 06/5/2019 đến 31/5/2019.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 03/6/2019 đến 30/6/2019.

2. Lớp D-QLĐĐ 6A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	QLD2024	Giao đất, thu hồi đất	Lê Thị Hương Thúy	3	30	30
2	QLD2017	Thực hành trắc địa	Trịnh Xuân Huy	3	0	90
3	QLD2022	Hệ thống thông tin địa lý	Nguyễn Văn Bài	2	15	30
4	QLD2016	Quy hoạch sử dụng đất 2	Khương Mạnh Hà	3	30	30
5	QLD2021	Quy hoạch phát triển nông thôn	Phạm Quốc Thắng	2	23	15
6	QLD2009	Thanh tra đất	Trần Văn Hải	2	23	15
7	QLD2023	Quy hoạch đô thị và khu dân cư nông thôn	Trần Thị Hiền	2	23	15
8		Học phần tự chọn:				
-	QLD2029	Quy hoạch cảnh quan	Trần Thị Hiền	2	23	15
		Tổng cộng		19	167	240

3. Lớp D-QLĐĐ 7A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	QLD2036	Luật và chính sách đất đai	Phạm Quốc Thắng	4	45	30
2	QLD2004	Trắc địa cơ sở 2	Trịnh Xuân Huy	4	30	60
3	QLD2012	Tin học ứng dụng vẽ bản đồ	Đỗ Thị Lan Anh	4	15	90
4	QLD2037	Bản đồ địa chính	Đỗ Thị Lan Anh	3	38	15
5	QLD2018	Đăng ký thống kê đất đai	Tạ Thị Kim Bình	4	38	45
Tổng cộng				19	166	240

4. Lớp DVB-QLĐĐ 7A, DVB-QLĐĐ 8A, DVB-QLĐĐ 8B

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	QLD2002	Thổ nhượng 2	Nguyễn Văn Vượng	2	23	15
2	QLD2012	Tin học ứng dụng vẽ bản đồ	Đỗ Thị Lan Anh	4	15	90
3	QLD2038	Ứng dụng viễn thám trong quản lý tài nguyên và môi trường	Nghiêm Thị Hoài	3	23	45
4	QLD2040	Kinh tế - tài chính đất đai	Trần Thị Lý	4	45	30
5	QLD2043	Hệ thống định vị toàn cầu	Trịnh Xuân Huy	3	15	60
6		Học phần tự chọn:				
-	QLD2025	Thị trường bất động sản	Trần Thị Lý	2	23	15
-	QLD2046	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội	Khuong Mạnh Hà	2	23	15
Tổng cộng				20	144	255

5. Lớp DL-QLĐĐ 7A, DL-QLĐĐ 8B

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	QLD6039	Quy hoạch sử dụng đất	Khuong Mạnh Hà	2	23	15
2	QLD6018	Đăng ký thống kê đất đai	Tạ Thị Kim Bình	2	23	15
3	QLD2042	Quy hoạch đô thị và nông thôn	Trần Thị Hiền	3	30	30
4	QLD2041	Hệ thống thông tin địa lý và hệ thống thông tin đất	Nguyễn Văn Bài	4	23	75
5	QLD2038	Ứng dụng viễn thám trong quản lý tài nguyên và môi trường	Nghiêm Thị Hoài	3	23	45
6		Học phần tự chọn:				
-	TNM2004	Môi trường và con người	Nguyễn Tiến Trung	2	23	0
			Phạm Thị Trang		0	15
-	QLD2046	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội	Khuong Mạnh Hà	2	23	15
Tổng cộng				18	168	210

Handwritten signature

6. Lớp DL-QLĐĐ 7B, DL-QLĐĐ 8A, DL-QLĐĐ 8C

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	QLD2002	Thủ nhường 2	Nguyễn Văn Vượng	2	23	15
2	QLD6012	Tin học ứng dụng vẽ bản đồ	Đỗ Thị Lan Anh	3	15	60
3	QLD2038	Ứng dụng viễn thám trong quản lý tài nguyên và môi trường	Nghiêm Thị Hoài	3	23	45
4	QLD2042	Quy hoạch đô thị và nông thôn	Trần Thị Hiền	3	30	30
5		Học phần tự chọn:				
-	QLD2025	Thị trường bất động sản	Trần Thị Lý	2	23	15
-	QLD2027	Hệ thống định vị toàn cầu	Trịnh Xuân Huy	2	15	30
-	QLD2029	Quy hoạch cảnh quan	Trần Thị Hiền	2	23	15
-	QLD2046	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội	Khuong Mạnh Hà	2	23	15
		Tổng cộng		19	175	225

7. Lớp DLT-QLĐĐ 7A, DLT-QLĐĐ 7B, DLT-QLĐĐ 7C

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	QLD2002	Thủ nhường 2	Nguyễn Văn Vượng	2	23	15
2	QLD6012	Tin học ứng dụng vẽ bản đồ	Đỗ Thị Lan Anh	3	15	60
3	QLD2038	Ứng dụng viễn thám trong quản lý tài nguyên và môi trường	Nghiêm Thị Hoài	3	23	45
4	QLD2042	Quy hoạch đô thị và nông thôn	Trần Thị Hiền	3	30	30
5		Học phần tự chọn:				
-	QLD2025	Thị trường bất động sản	Trần Thị Lý	2	23	15
-	QLD2027	Hệ thống định vị toàn cầu	Trịnh Xuân Huy	2	15	30
-	QLD2029	Quy hoạch cảnh quan	Trần Thị Hiền	2	23	15
-	QLD2046	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội	Khuong Mạnh Hà	2	23	15
		Tổng cộng		19	175	225

8. Lớp DLTV-QLĐĐ 7A, DLTV-QLĐĐ 7B

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1		Học phần tự chọn:				
-	QLD2026	Trắc địa địa chính	Trịnh Xuân Huy	2	15	30
-	QLD2027	Hệ thống định vị toàn cầu	Trịnh Xuân Huy	2	15	30
2	QLD7032	Thực tập nghề nghiệp		4	06 tuần	
3	QLD2034	Thực tập tốt nghiệp và làm chuyên đề		6	10 tuần	
		Tổng cộng		14	30	60

- Thực tập nghề nghiệp: 06 tuần, từ 25/02/2019 đến 05/4/2019.
- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 08/4/2019 đến 12/4/2019.
- Thực tập tốt nghiệp và làm chuyên đề: 10 tuần, từ 15/4/2019 đến 28/6/2019.
- Học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 05/8/2019 đến 30/8/2019.
- Xét tốt nghiệp: từ 02/9/2019 đến 27/9/2019.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 30/9/2019 đến 25/10/2019.

9. Lớp DLTV-QLĐĐ 7C, DLTV-QLĐĐ 8A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	QLD2035	Đánh giá đất	Phạm Quốc Thắng	3	38	15
2	QLD7039	Quy hoạch sử dụng đất 2	Khuong Mạnh Hà	2	23	15
3	QLD2041	Hệ thống thông tin địa lý và hệ thống thông tin đất	Nguyễn Văn Bài	4	23	75
4	KCB2007	Hóa học đại cương	HD - Phan Tứ Quý	2	23	15
5	KCB2003	Toán cao cấp	Diêm Đăng Huân	3	30	30
6	KCB2004	Xác suất thống kê	Diêm Đăng Huân	3	30	30
7		Học phần tự chọn:				
-	QLD2025	Thị trường bất động sản	HD - Ngô Ý Nhi	2	23	15
		Tổng cộng		19	190	195

10. Lớp DVBV-QLĐĐ 7B, DVBV-QLĐĐ 8A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	QLD2035	Đánh giá đất	Phạm Quốc Thắng	3	38	15
2	QLD2039	Quy hoạch sử dụng đất	Khuong Mạnh Hà	4	45	30
3	QLD2041	Hệ thống thông tin địa lý và hệ thống thông tin đất	Nguyễn Văn Bài	4	23	75
4	KCB2007	Hóa học đại cương	HD - Phan Tứ Quý	2	23	15
5	QLD2036	Luật và chính sách đất đai	Phạm Quốc Thắng	4	45	30
6		Học phần tự chọn:				
-	QLD2025	Thị trường bất động sản	HD - Ngô Ý Nhi	2	23	15
-	QLD2026	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội	Khuong Mạnh Hà	2	15	30
		Tổng cộng		21	212	210

11. Lớp D-QLTN 5A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Trong đó	
				LT	BT/TL/TH
		Thực tập tốt nghiệp:	10		
1	TNM2037	Đối với sinh viên làm Khóa luận tốt nghiệp	10	15 tuần	
2		Đối với sinh viên không làm Khóa luận tốt nghiệp:	10		
-	TNM2038	Chuyên đề tốt nghiệp	6	10 tuần	
-		Học phần tự chọn:	4		
+	TNM2014	Quản lý nhà nước về môi trường	2	23	15
+	TNM2011	Tài nguyên khí hậu	2	23	15
		Tổng cộng	10	46	30

- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 19/11/2018 đến 07/12/2018.
- Thực tập tốt nghiệp:
- + Khóa luận tốt nghiệp: 15 tuần, từ 10/12/2018 đến 05/4/2019.
- + Chuyên đề tốt nghiệp: 10 tuần, từ 10/12/2018 đến 01/3/2019.
- Đối với Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp, bảo vệ khóa luận từ 08/4/2019 đến 03/5/2019.
- Đối với Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp, học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 04/3/2019 đến 05/4/2019.
- Xét tốt nghiệp: từ 06/5/2019 đến 31/5/2019.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 03/6/2019 đến 28/6/2019.

12. Lớp D-QLTN 6A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	TNM2015	Luật và chính sách môi trường	Nguyễn Văn Bài	2	23	15
2	TNM2016	Mô hình hóa trong quản lý môi trường	Dương Thị Hậu	3	30	30
3	TNM2021	Phương pháp phân tích môi trường	Dương Thị Hậu	3	30	30
4	TNM2020	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	Phan Lê Na	3	38	15
5	TNM2026	Sản xuất sạch hơn và phòng ngừa ô nhiễm	Đinh Thị Thu Trang	2	23	15
6	QLD2022	Hệ thống thông tin địa lý	Nguyễn Văn Bài	2	15	30
7	TNM2024	Đánh giá tác động môi trường	Phan Lê Na	2	23	15
8		Học phần tự chọn:				
-	TNM2029	Suy thoái và bảo vệ đất	Khuong Mạnh Hà	3	30	0
			Phạm Thị Trang		0	30
		Tổng cộng		20	212	180

13. Lớp D-QLTN 7A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	TNM2045	Luật và chính sách môi trường	Nguyễn Văn Bài	4	45	30
2	TNM2043	Vi sinh vật học môi trường	Chu Thùy Dương	3	30	30
3	TNM2027	Công nghệ môi trường	HD - Nguyễn Thành Đồng	4	45	30
4	TNM2017	Quản lý môi trường	Đinh Thị Thu Trang	3	38	15
5	TNM2020	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	Phan Lê Na	3	38	15
6	TNM2025	Quan trắc môi trường	Dương Thị Hậu	3	30	30
		Tổng cộng		20	226	150

thư

14. Lớp D-QLTN 8A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	LLC2002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đoàn Thị Hoàng Yến	2	23	15
2	THN2018	Tiếng Anh 2	Nguyễn Thị Hoa	4	30	60
3	LLC2004	Pháp luật đại cương	Nguyễn Thị Dung	2	23	15
4	KCB2003	Toán cao cấp	Phùng Thị Kiển An	3	30	30
5	KCB2007	Hóa học đại cương	Nguyễn Thị Hoài Trang	2	23	15
6	TNM2021	Phương pháp tiếp cận khoa học trong quản lý tài nguyên và môi trường	Khương Mạnh Hà	2	23	15
7	TNM2033	Sinh thái môi trường	Nguyễn Tiến Trung	2	23	0
			Phạm Thị Trang		0	15
8	KCB2023	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Văn Tuấn	1	0	30
9	KCB2013	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Hợp đồng	8	04 tuần	
		Tổng cộng		26	175	195

15. Lớp DV-QLTN 2A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	TNM2024	Đánh giá tác động môi trường	Phan Lê Na	2	23	15
2	TNM2026	Sản xuất sạch hơn và phòng ngừa ô nhiễm	Đinh Thị Thu Trang	2	23	15
3	QLD2020	Hệ thống thông tin địa lý	Nguyễn Văn Bài	2	15	30
4	QLD2013	Viễn thám	Nghiêm Thị Hoài	2	15	30
5	TNM2028	ISO 14000 và kiểm toán môi trường	Nguyễn Tiến Trung	2	23	15
6		Học phần tự chọn:				
-	TNM2014	Quản lý nhà nước về môi trường	Tạ Thị Kim Bình	2	23	15
-	TNM2029	Suy thoái và bảo vệ đất	Khương Mạnh Hà	3	30	0
-			Phạm Thị Trang		0	30
		Tổng cộng		15	152	150

VI. KHOA CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM

1. Lớp D-CNTP 5A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Trong đó	
				LT	BT/TL/TH
		Thực tập tốt nghiệp:	10		
1	CNT2045	Đối với sinh viên làm Khóa luận tốt nghiệp	10	15 tuần	
2		Đối với sinh viên không làm Khóa luận tốt nghiệp:	10		
-	CNT2046	Chuyên đề tốt nghiệp	6	10 tuần	
-		Học phần tự chọn:	4		
+	CNT2029	Công nghệ sản xuất rượu cồn	2	23	15
+	CNT2034	Vì sinh vật ứng dụng trong công nghiệp thực phẩm	2	23	15
		Tổng cộng	10	46	30

- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 24/12/2018 đến 28/12/2018.
- Thực tập tốt nghiệp:
- + Khóa luận tốt nghiệp: 15 tuần, từ 31/12/2018 đến 26/4/2019.
- + Chuyên đề tốt nghiệp: 10 tuần, từ 31/12/2018 đến 22/3/2019.
- Đối với Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp, bảo vệ khóa luận từ 29/4/2019 đến 24/5/2019.
- Xét tốt nghiệp: từ 27/5/2019 đến 07/6/2019.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 10/6/2019 đến 28/6/2019.

2. Lớp D-CNTP 6A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	CNT2015	Quản lý kiểm tra chất lượng thực phẩm	Đào Thị Vân Anh	2	23	15
2	CNT2017	Công nghệ sau thu hoạch	Vũ Kiều Sâm	2	23	15
3	CNT2021	Công nghệ sản xuất malt và bia	Nguyễn Thị Thanh Huyền	2	23	15
4	CNT2020	Công nghệ chế biến thịt và các sản phẩm từ thịt	HD - Nguyễn Văn Lợi	2	23	15
5	CNT2024	Công nghệ chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	Nguyễn Văn Lục	2	23	15
6	CNT2019	Công nghệ chế biến lương thực	Phạm Thị Bình	2	23	15
7	CNT2018	Công nghệ bảo quản và chế biến rau quả	Vũ Kiều Sâm	2	23	15
8	CNT2038	Tối ưu hoá trong công nghệ thực phẩm	Nguyễn Đà Giang	2	23	15
9	CNT2044	Thực tập kỹ thuật		3	05 tuần	
		Tổng cộng		19	184	120

- Thực tập kỹ thuật: 04 tuần, từ 20/5/2019 đến 21/6/2019.

3. Lớp D-CNTP 7A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	CNT2047	Quản lý và kiểm tra chất lượng thực phẩm	Đào Thị Vân Anh	5	53	45
2	CNT2005	Các quá trình - thiết bị trong công nghệ thực phẩm 1	Nguyễn Văn Quang	5	53	45
3	CNT2042	Phương pháp tiếp cận khoa học trong Công nghệ thực phẩm	Ngô Anh Sơn	2	23	15
4	TNM2043	Vi sinh vật học thực phẩm	Nguyễn Công Thành	5	53	45
5	CNT2011	Vật lý học thực phẩm	Nguyễn Đà Giang	2	23	15
6	CNT2026	Công nghệ chất thơm và phụ gia thực phẩm	Khổng Thị Thanh	3	30	30
Tổng cộng				22	235	195

4. Lớp D-CNTP 8A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	LLC2002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đoàn Thị Hoàng Yến	2	23	15
2	THN2018	Tiếng Anh 2	Nguyễn Thị Hoa	4	30	60
3	LLC2004	Pháp luật đại cương	Nguyễn Thị Dung	2	23	15
4	KCB2003	Toán cao cấp	Phùng Thị Kiến An	3	30	30
5	KCB2007	Hóa học đại cương	Nguyễn Thị Hoài Trang	2	23	15
6	KCB2005	Vật lý đại cương	Ngô Thị Tuyết	3	38	15
7	KCB2023	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Văn Tuấn	1	0	30
8	KCB2013	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Hợp đồng	8	04 tuần	
Tổng cộng				25	167	180

5. Lớp DVB-CNTP 7A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	CNT2006	Các quá trình - thiết bị trong công nghệ thực phẩm 2	Nguyễn Văn Quang	3	30	30
2	CNT2039	Luật thực phẩm	Hợp đồng	2	23	15
3		Học phần tự chọn:				
-	CNT2053	Công nghệ chế biến thịt, trứng, thủy sản	HD - Nguyễn Văn Lợi	3	30	30
-	CNT2054	Công nghệ chế biến chè, cà phê, ca cao	Khổng Thị Thanh	3	30	30
-	CNT2055	Công nghệ sản xuất nước chấm, gia vị	Đào Thị Vân Anh	3	30	30
-	CNT2024	Công nghệ chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	Nguyễn Văn Lục	2	23	15
-	CNT2061	Nghiên cứu và phát triển sản phẩm	Vũ Kiều Sâm	2	23	15
Tổng cộng				18	189	165

6. Lớp DL-CNTP 7A, DL-CNTP 8A, DL-CNTP 8B

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1		Học phần tự chọn:				
-	CNT2053	Công nghệ chế biến thịt, trứng, thủy sản	HD - Nguyễn Văn Lợi	3	30	30
-	CNT2054	Công nghệ chế biến chè, cà phê, ca cao	Khổng Thị Thanh	3	30	30
-	CNT2055	Công nghệ sản xuất nước chấm, gia vị	Đào Thị Vân Anh	3	30	30
-	CNT2024	Công nghệ chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	Nguyễn Văn Lục	2	23	15
-	CNT2061	Nghiên cứu và phát triển sản phẩm	Vũ Kiều Sâm	2	23	15
-	CNT2019	Công nghệ chế biến lương thực	Phạm Thị Bình	2	23	15
2	CNT6044	Thực tập kỹ thuật		3	04 tuần	
		Tổng cộng		18	159	135

- Thực tập kỹ thuật: 04 tuần, sau khi học xong các học phần lý thuyết

7. Lớp DLT-CNTP 7A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1		Học phần tự chọn:				
-	CNT2053	Công nghệ chế biến thịt, trứng, thủy sản	HD - Nguyễn Văn Lợi	3	30	30
-	CNT2054	Công nghệ chế biến chè, cà phê, ca cao	Khổng Thị Thanh	3	30	30
-	CNT2055	Công nghệ sản xuất nước chấm, gia vị	Đào Thị Vân Anh	3	30	30
-	CNT2024	Công nghệ chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	Nguyễn Văn Lục	2	23	15
-	CNT2061	Nghiên cứu và phát triển sản phẩm	Vũ Kiều Sâm	2	23	15
-	CNT2019	Công nghệ chế biến lương thực	Phạm Thị Bình	2	23	15
2	CNT6044	Thực tập kỹ thuật		3	04 tuần	
		Tổng cộng		18	159	135

- Thực tập kỹ thuật: 04 tuần, sau khi học xong các học phần lý thuyết



VII. KHOA LÂM NGHIỆP

1. Lớp D-LAMSINH 5A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Trong đó	
				LT	BT/TL/TH
		Thực tập tốt nghiệp:	10		
1	LSI2031	Đối với sinh viên làm Khóa luận tốt nghiệp	10	15 tuần	
2		Đối với sinh viên không làm Khóa luận tốt nghiệp:	10		
-	LSI2032	Chuyên đề tốt nghiệp	6	10 tuần	
-		Học phần tự chọn:	4		
+	LSI2016	Trồng rừng phòng hộ	2	23	15
+	LSI2024	Quản lý rừng bền vững	2	23	15
		Tổng cộng	10	46	30

- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 15/10/2018 đến 19/10/2018.
- Thực tập tốt nghiệp:
 - + Khóa luận tốt nghiệp: 15 tuần, từ 22/10/2018 đến 15/02/2019.
 - + Chuyên đề tốt nghiệp: 10 tuần, từ 22/10/2018 đến 28/12/2018.
- Đối với Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp, bảo vệ khóa luận từ 18/02/2019 đến 15/3/2019.
- Đối với Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp, học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 31/12/2018 đến 15/02/2019.
- Xét tốt nghiệp: từ 18/3/2019 đến 12/4/2019.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 15/4/2019 đến 10/5/2019.

2. Lớp D-QLTNR 5A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Trong đó	
				LT	BT/TL/TH
		Thực tập tốt nghiệp:	10		
1	TNR2023	Đối với sinh viên làm Khóa luận tốt nghiệp	10	15 tuần	
2		Đối với sinh viên không làm Khóa luận tốt nghiệp:	10		
-	TNR2024	Chuyên đề tốt nghiệp	6	10 tuần	
-		Học phần tự chọn:	4		
+	TNR2010	Nhân nuôi động vật hoang dã	2	23	15
+	LSI2019	Môi trường và phát triển LN	2	23	15
		Tổng cộng	10		

- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 15/10/2018 đến 19/10/2018.
- Thực tập tốt nghiệp:
 - + Khóa luận tốt nghiệp: 15 tuần, từ 22/10/2018 đến 15/02/2019.
 - + Chuyên đề tốt nghiệp: 10 tuần, từ 22/10/2018 đến 28/12/2018.
- Đối với Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp, bảo vệ khóa luận từ 18/02/2019 đến 15/3/2019.
- Đối với Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp, học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 31/12/2018 đến 15/02/2019.
- Xét tốt nghiệp: từ 18/3/2019 đến 12/4/2019.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 15/4/2019 đến 10/5/2019.

3. Lớp D-QLTNR 6A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	BT/TL/TH
1	TNR2015	Côn trùng rừng	Đỗ Đà Giang	2	23	15
2	TNR2002	Quản lý lưu vực	Thân Thị Huyền	2	23	15
3	TNR2003	Quản lý động vật hoang dã	Nguyễn Chí Thành	2	23	15
4	TNR2005	Điều tra, dự tính, dự báo sâu bệnh hại rừng	Vũ Thị Tâm	2	15	30
5	TNR2006	Bảo tồn thực vật rừng	Nguyễn Tuấn Cường	2	23	15
6		Học phần tự chọn:				
-	LSI2012	Nông lâm kết hợp	Nguyễn Văn Hoàn	2	23	15
-	TNR2010	Quản lý dịch hại tổng hợp	Vũ Thị Tâm	2	23	15
-	LSI2021	Tổ chức quản lý các loại rừng	Đỗ Đà Giang	2	23	15
7	TNR2021	Thực tập nghề nghiệp 2		4	04 tuần	
		Tổng cộng		20	176	135

- Thực tập nghề nghiệp: 04 tuần, sau khi học và thi các học phần lý thuyết.



KHIẾU TRƯỞNG
PHÓ KHIẾU TRƯỞNG

TS. Đoàn Văn Soạn